

Court of Washington, County/City of _____ Tòa Án Washington, Quận/Thành Phố _____	
vs. <i>kiện</i> Plaintiff <i>Nguyên Đơn</i> Defendant <i>Bị Đơn</i> DOB: _____ <i>Ngày Sinh:</i> _____	No. Số Judgment and Sentence <i>Phán Quyết và Bản Án</i> (JS) (JS) Clerk's Action Required: [] 4, [] 5, [] 6, [] 7 <i>Việc Lục Sự Cần Làm: [-] 4, [-] 5, [-] 6, [-] 7</i>

1. The defendant pled guilty, or pled not guilty and the verdict of the jury was guilty, or the finding of the court was guilty of:
Bị đơn đã nhận tội hoặc không nhận tội và phán quyết của bồi thẩm đoàn là có tội hoặc phán quyết của tòa án là có tội:

Count <i>Điểm buộc tội</i>	Crime <i>Tội phạm</i>	RCW or Ordinance (with subsection) <i>RCW hoặc Sắc Lệnh (có tiểu mục)</i>
1.		
2.		
3.		
4.		

GV [] In count/s _____, **domestic violence – intimate partner** was pled and proved.

GV [-] *Trong (các) điểm buộc tội _____, bạo hành gia đình – bạn tình thân mật đã được biện hộ và chấp thuận.*

GV [] In count/s _____, **domestic violence – family or household member** was pled and proved.

GV [-] *Trong (các) điểm buộc tội _____, bạo hành gia đình – thành viên gia đình hoặc hộ gia đình đã được biện hộ và chấp thuận.*

Therefore, the defendant is adjudged guilty and sentenced as follows:

Do đó, bị đơn bị kết tội và bị tuyên án như sau:

Sentence is suspended/deferred for _____ months/years on the following conditions:

Án treo/hoãn trong tháng/năm dựa vào các điều kiện sau đây:

Count 1: _____ days of jail, suspended/deferred _____ days;

Điểm buộc tội 1: ngày tù, án treo/hoãn ngày;

and a fine of \$ _____ with \$ _____ suspended/deferred.
và tiền phạt \$ với \$ án treo/hoãn.

Count 2: _____ days of jail, suspended/deferred _____ days;

Điểm buộc tội 2: ngày tù, án treo/hoãn ngày;

and a fine of \$ _____ with \$ _____ suspended/deferred.
và tiền phạt \$ với \$ án treo/hoãn.

Count 3: _____ days of jail, suspended/deferred _____ days;

Điểm buộc tội 3: ngày tù, án treo/hoãn ngày;

and a fine of \$ _____ with \$ _____ suspended/deferred.
và tiền phạt \$ với \$ án treo/hoãn.

Count 4: _____ days of jail, suspended/deferred _____ days;

Điểm buộc tội 4: ngày tù, án treo/hoãn ngày;

and a fine of \$ _____ with \$ _____ suspended/deferred.
và tiền phạt \$ với \$ án treo/hoãn.

Jail: Serve a total of _____ days in jail with credit for _____ days served, **and** serve a total of _____ days of [] electronic monitoring [] home detention/ electronic monitoring with credit for _____ days served.

Tù: Chấp hành tổng số _____ ngày tù được tính vào _____ số ngày đã chấp hành **và** chấp hành tổng số _____ ngày [-] giám sát điện tử [-] quản chế tại gia/ giám sát điện tử được tính vào _____ ngày đã chấp hành.

[] Other alternative means of confinement _____
Các biện pháp giam cầm thay thế khác:

Jail sentences are concurrent/consecutive with all other commitments _____

Án tù được áp dụng đồng thời/liên tiếp với tất cả các cam kết khác

[] This crime is an offense which requires sex or kidnapping offender registration, or is one of the following offenses: assault in the fourth degree domestic violence, assault in the fourth degree with sexual motivation, communication with a minor for immoral purposes, custodial sexual misconduct in the second degree, failure to register, harassment, patronizing a prostitute, sexual misconduct with a minor in the second degree, stalking, indecent exposure, or violation of a sexual assault protection order. Therefore, the defendant shall have a biological sample collected for purposes of DNA identification analysis. If the defendant has already had a biological sample collected, the collecting agency may choose not to

collect another sample. RCW 43.43.754; see *State v. Booker*, 22 Wn. App. 2d 80, 86-87, 509 P.3d 854 (2022).

Tội này là một tội danh cần phải đăng ký tội phạm tình dục hoặc bắt cóc, hoặc là một trong tội danh sau đây: tấn công cấp bốn bạo hành gia đình, tấn công cấp bốn có động cơ tình dục, giao tiếp với trẻ vị thành niên vì mục đích vô đạo đức, hành vi sai trái về tình dục trong khi giam giữ cấp hai, không đăng ký, quấy rối, quan hệ với gái mại dâm, hành vi sai trái về tình dục với trẻ vị thành niên cấp hai, theo dõi, phơi bày khiếm nhã hoặc vi phạm lệnh bảo vệ chống tấn công tình dục. Do đó, bị đơn phải được lấy mẫu sinh học vì các mục đích phân tích nhận dạng DNA. Nếu bị đơn đã lấy mẫu sinh học, cơ quan lấy mẫu có thể chọn không lấy một mẫu khác. RCW 43.43.754; xem State v. Booker, 22 Wn. App. 2d 80, 86-87, 509 P.3d 854 (2022).

[] Report to (law enforcement agency) _____
by (date and time) _____
to give a biological sample. Failure to give a biological sample is a gross misdemeanor.

*Báo cáo cho (cơ quan thực thi pháp luật)
trước (ngày và giờ)*

*để cung cấp một mẫu sinh học. Không cung cấp mẫu sinh học là một tội nhẹ
nghiêm trọng.*

2. [] The defendant is indigent, as defined in RCW 10.01.160(3).
Bị đơn nghèo khổ, được quy định trong RCW 10.01.160(3).

The defendant shall pay to the clerk of this court:

Bị đơn phải trả cho lục sự của tòa án này:

[] fine	\$ _____	[] criminal conviction fee	\$ <u>43.00</u>
<i>tiền phạt</i>	\$ _____	<i>phí kết án hình sự</i>	\$ <u>43.00</u>
[] assessments	\$ _____	[] criminal traffic fee	\$ <u>102.50</u>
<i>thẩm định</i>	\$ _____	<i>phí giao thông hình sự</i>	\$ <u>102.50</u>
[] costs	\$ _____	[] probation/monitoring fee	\$ _____
<i>chi phí</i>	\$ _____	<i>phí quản chế/giám sát</i>	\$ _____
[] bench warrant fee	\$ _____	[] booking fee	\$ _____
<i>phí lệnh bắt giữ</i>	\$ _____	<i>phí đặt chỗ</i>	\$ _____
[] jail recoupment fee	\$ _____	[] public defender recoupment	\$ _____
<i>phí thu hồi tiền tù</i>	\$ _____	<i>khoản thu hồi của luật sư bào chữa công</i>	\$ _____
		[] DPO assessment for DV conviction	\$ <u>15.00</u>
		<i>Thẩm định DPO đối với kết án DV</i>	\$ <u>15.00</u>
		[] domestic violence assessment	\$ <u>100.00</u>
		<i>thẩm định bạo hành gia đình</i>	\$ <u>100.00</u>
[] PPIA (RCW 9A.88.120)	\$ _____	[] DPR fee (RCW 7.105.450)	\$ <u>30.75</u>
<i>PPIA (RCW 9A.88.120)</i>	\$ _____	<i>Phí DPR (RCW 7.105.450)</i>	\$ <u>30.75</u>
[] catalytic converter fine (\$1000 each) (RCW 19.290.070)	\$ _____		
<i>tiền phạt bộ chuyển đổi xúc tác khí thải (\$1000 mỗi lần) (RCW 19.290.070)</i>	\$ _____		
[] other	_____		\$ _____
<i>khác</i>			\$ _____

[] restitution set by separate order.
khoản bồi thường được thiết lập theo lệnh riêng.

[] restitution is ordered in the amount of:
khoản bồi thường được yêu cầu trong số tiền là:

\$ _____ to (person/entity 1) _____ at (mailing address)
\$ _____ cho (người/đơn vị 1) _____ tại (địa chỉ gửi thư)

\$ _____ to (person/entity 2) _____ at (mailing address)
\$ _____ cho (người/đơn vị 2) _____ tại (địa chỉ gửi thư)

\$ _____ to (person/entity 3) _____ at (mailing address)
\$ _____ cho (người/đơn vị 3) _____ tại (địa chỉ gửi thư)

[] restitution to be left open for _____ days from the date this order is signed.
khoản bồi thường vẫn còn mở trong _____ ngày kể từ ngày mà lệnh này được ký.

[] restitution emergency response (RCW 38.52.430) \$ _____
khoản bồi thường trường hợp ứng phó khẩn cấp (RCW 38.52.430) \$ _____

TOTAL: \$ _____
TỔNG: \$ _____

3. Financial obligations are due and payable immediately unless the court has set a payment schedule.
Các khoản nghĩa vụ tài chính phải được chi trả ngay lập tức trừ khi tòa án đã ấn định lịch thanh toán.

[] Pay total financial obligations at \$ _____ per month starting on (date) _____.
Chi trả tổng số khoản nghĩa vụ tài chính ở mức \$ _____ mỗi tháng sẽ bắt đầu vào (ngày)

[] Pay schedule set by separate order.
Lịch chi trả được ấn định theo lệnh riêng.

[] \$ _____ of this total is converted to _____ hours of community restitution (service) which must be completed by _____.
\$ _____ của tổng số này được chuyển đổi thành _____ giờ bồi thường cộng đồng (dịch vụ) phải được hoàn tất bởi _____

Proof of completion shall be provided to the court/probation department.
Bằng chứng hoàn tất sẽ được cung cấp cho tòa án/cơ quan quản chế.

[] The defendant is ordered to reimburse (name of electronic monitoring agency) _____ at _____
for the cost of pretrial electronic monitoring in the amount of \$ _____.
Bị đơn được lệnh phải hoàn trả cho (tên của cơ quan giám sát bằng thiết bị điện tử) _____ lúc _____ cho chi phí giám sát bằng thiết bị điện tử trước khi xét xử với số tiền là \$ _____

4. Additional Conditions of Sentence:
Các Điều Kiện Bổ Sung của Bản Án:

- ☐ No criminal violations of law or alcohol-related infractions.
Không có hành vi vi phạm luật hình sự hoặc vi phạm liên quan đến rượu bia.
- ☐ Do not drive a motor vehicle without a valid license and proof of insurance.
Không lái xe cơ giới mà không có giấy phép hợp lệ và bằng chứng về bảo hiểm.
- ☐ Probation for _____ months. Supervised probation for _____ months, with probation department and abide by all rules and regulations of probation department. Pay a \$_____ pre-sentence fee and a \$_____ monthly probation fee unless the fee is reduced by the probation department.
Quản chế trong _____ tháng. Quản chế có giám sát trong _____ tháng với cơ quan quản chế và tuân thủ tất cả các luật lệ và quy định của cơ quan quản chế. Chi trả phí trước khi tuyên án là \$_____ và phí quản chế hàng tháng là \$_____ trừ khi phí được cơ quan quản chế giảm bớt.
- ☐ Supervised probation to end upon completion of ☐ certified domestic violence treatment and/or ☐ _____.
Quản chế có giám sát sẽ kết thúc khi hoàn tất điều trị bạo lực gia đình được chứng nhận [-] và/hoặc [-]
- ☐ Obtain ☐ a substance use disorder evaluation from a Washington State approved agency ☐ a psycho-sexual evaluation from a state certified provider ☐ a mental health evaluation from a state licensed mental health provider ☐ certified domestic violence program ☐ anger management ☐ victim awareness education ☐ consumer awareness (theft) ☐ Other _____.
Có được [-] đánh giá rối loạn sử dụng chất gây nghiện từ một cơ quan được Tiểu Bang Washington chấp thuận [-] đánh giá tâm lý tính dục từ một nhà cung cấp dịch vụ được tiểu bang chứng nhận [-] đánh giá sức khỏe tâm thần từ một nhà cung cấp dịch vụ sức khỏe tâm thần được tiểu bang cấp phép [-] chương trình bạo hành gia đình được chứng nhận [-] kiểm soát cơn giận [-] giáo dục nhận thức cho nạn nhân [-] nhận thức của người tiêu dùng (trộm cắp) [-] Khác
- File a copy of the evaluation within _____ days of this order being signed. Begin any recommended treatment or education within _____ days of this order being signed and file proof of timely enrollment and completion.
Trình nộp một bản sao đánh giá trong vòng _____ ngày kể từ ngày lệnh này đang được ký. Bắt đầu bất kỳ điều trị hoặc giáo dục nào đề xuất trong vòng _____ ngày kể từ ngày lệnh này đang được ký và trình nộp bằng chứng đăng ký và hoàn tất đúng lúc.
- ☐ Begin the following within _____ days of this order being signed and complete within _____ days of beginning, and file proof of timely enrollment and completion: ☐ DUI victim's panel ☐ alcohol/drug information school ☐ 1-year substance use disorder treatment ☐ 2-year substance use disorder treatment ☐ substance use disorder treatment for the period of _____ ☐ driver improvement school.
Bắt đầu các mục sau đây trong vòng _____ ngày kể từ ngày lệnh này đang được ký và hoàn tất trong vòng _____ ngày kể từ ngày bắt đầu và trình nộp bằng chứng đăng ký và hoàn tất đúng lúc: [-] hội đồng nạn nhân DUI [-] trường thông tin dành cho người phụ thuộc vào rượu bia/ma túy [-] điều trị rối loạn sử dụng chất gây nghiện 1 năm [-] điều trị rối loạn sử dụng chất gây nghiện 2 năm [-] điều trị rối loạn sử dụng chất gây nghiện trong thời hạn _____ [-] trường cải tiến phương pháp dạy lái xe.
- ☐ Use no alcoholic beverages or non-prescribed controlled drugs.

Không sử dụng đồ uống có cồn hoặc thuốc được kiểm soát không kê toa.

- [] Attend [] Alcoholics Anonymous [] Narcotics Anonymous [] Other self-help program () meetings _____ times a week for _____ months or as recommended by treatment provider.

Tham dự các cuộc họp [-] Hội Những Người Nghiện Rượu Vô Danh [-] Hội Những Người Nghiện Ma Túy Vô Danh [-] Chương trình tự lực khác () lần mỗi tuần trong tháng hoặc như được nhà cung cấp dịch vụ điều trị đề xuất.

- [] Do not go upon the property of and have no contact with: _____
Không được đi vào khu đất của và không được tiếp xúc với:

- [] Other: _____
Khác:

- [] **This crime involves a sex offense, or a kidnapping offense involving a minor, as defined in RCW 9A.44.130.** The defendant is required to register with the county sheriff as described in the “Offender Registration Attachment.”

Tội phạm này liên quan đến tội phạm tình dục hoặc tội bắt cóc liên quan đến trẻ vị thành niên, như được quy định trong RCW 9A.44.130. Bị đơn cần phải đăng ký với cảnh sát trưởng của quận như được quy định trong “Phụ Lục Đăng Ký Người Phạm Tội.”

- [] **Department of Licensing Notice – CPL Revocation and Surrender.**
Thông Báo Của Sở Cấp Phép – Thu Hồi và Giao Nộp CPL.

- [] Count _____ is a violation of RCW 9.41.270 (unlawful carrying or handling of weapons), a gross misdemeanor for which the penalty includes loss and revocation of the defendant’s concealed pistol licenses, if any.

Điểm buộc tội _____ là một hành vi vi phạm RCW 9.41.270 (mang hoặc xử lý vũ khí trái phép), một tội nhẹ nghiêm trọng mà hình phạt bao gồm việc mất và thu hồi giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín của bị đơn, nếu có.

- [] Count _____ is a violation of RCW 9.41.280 (knowingly possessing a dangerous weapon on school facilities or areas of facilities while being used for official meetings of a school district board of directors), a gross misdemeanor for which the penalty is revocation of the defendant’s concealed pistol licenses (CPL), if any, for 3 years; and the defendant is not allowed to apply for concealed pistol licenses for a period of 3 years.

Điểm buộc tội _____ là một hành vi vi phạm RCW 9.41.280 (cố ý sở hữu vũ khí nguy hiểm tại cơ sở trường học hoặc các khu vực của cơ sở trong khi được sử dụng cho các cuộc họp chính thức của hội đồng quản trị khu học chánh), một tội nhẹ nghiêm trọng mà hình phạt là thu hồi giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín (concealed pistol licenses - CPL) của bị đơn, nếu có, trong 3 năm; và bị đơn không được phép nộp đơn xin giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín trong thời hạn 3 năm.

- [] Count _____ is a violation of RCW 9.41.282 (carrying a firearm at a childcare center), a gross misdemeanor for which the penalty is revocation of the

defendant's concealed pistol licenses (CPL) for 3 years and the immediate surrender of the defendant's CPL, if any. The defendant also is not allowed to apply for a CPL for a period of 3 years from the date of conviction.

Điểm buộc tội là một hành vi vi phạm RCW 9.41.282 (mang vũ khí ở một trung tâm giữ trẻ), một tội nhẹ nghiêm trọng mà hình phạt là thu hồi giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín (CPL) của bị đơn trong 3 năm và giao nộp ngay lập tức CPL của bị đơn, nếu có. Bị đơn cũng không được phép nộp đơn xin CPL trong thời hạn 3 năm kể từ ngày kết án.

NOTICE TO THE DEFENDANT: You have been convicted of RCW 9.41.282, which requires immediate surrender of your concealed pistol licenses (CPL). You are ordered to immediately surrender your CPL, if any, to the court.

THÔNG BÁO CHO BỊ ĐƠN: Quý vị đã bị kết án theo RCW 9.41.282, yêu cầu phải giao nộp ngay lập tức giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín (CPL) của quý vị. Quý vị được lệnh phải giao nộp ngay lập tức CPL của mình, nếu có, cho tòa án.

Clerk's Action. The clerk shall forward a Notice of Revocation of Concealed Pistol License to the Department of Licensing (DOL).

Việc Lục Sự Làm. Lục sự sẽ chuyển tiếp một Thông Báo Thu Hồi Giấy Phép Sử Dụng Súng Lục Được Giấu Kín cho Sở Cấp Phép (Department of Licensing - DOL).

5. [] **Department of Licensing Notice – Defendant under age 21 only.**

Thông Báo Của Sở Cấp Phép – Chỉ cho bị đơn dưới 21 tuổi.

Count _____ is (a) a violation of ch. 69.41 RCW (Legend drug), ch. 69.50 RCW (VUCSA), or ch. 69.52 RCW (Imitation drugs), and the defendant was under 21 years of age at the time of the offense **OR** (b) a violation under RCW 9.41.040 (unlawful possession of firearm), and the defendant was under the age of 18 at the time of the offense **OR** (c) a violation under ch. 66.44 RCW [(Alcohol)], and the defendant was under the age of 18 at the time of the offense **AND** the court finds that the defendant previously committed an offense while armed with a firearm, an unlawful possession of a firearm offense, or an offense in violation of ch. 66.44 RCW, ch. 69.41 RCW, ch. 69.50 RCW, or ch. 69.52 RCW.

*Điểm buộc tội là (a) một hành vi vi phạm chương 69.41 RCW (Thuốc theo toa), chương 69.50 RCW (VUCSA), hoặc chương 69.52 RCW (Giả dược), và bị đơn dưới 21 tuổi tại thời điểm phạm tội **HOẶC** (b) vi phạm theo RCW 9.41.040 sở hữu súng trái phép), và bị đơn dưới 18 tuổi tại thời điểm phạm tội **HOẶC** (c) vi phạm theo chương 66.44 RCW [(Rượu bia)], và bị đơn dưới 18 tuổi tại thời điểm phạm tội **VÀ** tòa án nhận thấy rằng bị đơn đã phạm tội trước đó trong khi trang bị súng đạn, tội sở hữu súng trái phép hoặc tội vi phạm chương 66.44 RCW, chương 69.41 RCW, chương 69.50 RCW, hoặc chương 69.52 RCW.*

Clerk's Action. The clerk shall forward an Abstract of Court Record (ACR) to the DOL, which must revoke the defendant's driver's license. RCW 46.20.265.

Việc Lục Sự Làm. Lục sự sẽ chuyển tiếp Bản Tóm Tắt Hồ Sơ Tòa Án (Abstract of Court Record - ACR) đến DOL, cơ quan này phải thu hồi giấy phép lái xe của bị đơn. RCW 46.20.265.

6. [] **Review hearing scheduled for (purpose) _____**

Tái xét phiên xét xử được sắp xếp vì (mục đích)

on (date) _____ at _____ a.m./p.m.

vào (ngày) _____ lúc _____ a.m./p.m.
at _____ Court, Room/Department _____
lúc _____ Tòa Án, Phòng/Ban: _____
Address: _____
Địa Chỉ: _____

7. ☐ Bail or Bond is ☐ exonerated ☐ forfeited.
Tiền Bảo Lãnh hoặc Tiền Thế Chân ☐ được miễn trừ ☐ bị tịch thu.

8. **I have read the rights, conditions, and warnings.**
Tôi đã đọc các quyền, điều kiện và cảnh báo.

Dated: _____
Đề ngày: _____

Judge/Commissioner/Pro Tem
Thẩm Phán/Ủy Viên Tòa Án/Thẩm Phán Tạm Thời

Defendant's Signature
Chữ Ký Của Bị Đơn:

Print Name: _____
Tên Viết In:

Defendant's Mailing Address:
Địa Chỉ Gửi Thư Của Bị Đơn:

Street Address or PO Box City State Zip
Địa Chỉ Đường hoặc PO Box Thành Phố Tiểu Bang Mã Vùng

Telephone No.: _____
Số Điện Thoại:

Attorney for the Defendant
Luật Sư của Bị Đơn

Prosecuting Attorney
Ủy Viên Công Tố

Print Name: _____
Tên Viết In:

Print Name: _____
Tên Viết In:

WSBA No. _____
WSBA Số

WSBA No. _____
WSBA Số

☐ Written Waiver of Counsel is filed.
Văn Bản Từ Chối Luật Sư được trình nộp.